

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG QUỐC TẾ ANH VIỆT –
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 1506/BC-2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Họ và tên Hiệu trưởng	Năm sinh	Nhiệm kỳ	Trình độ	Chuyên ngành
SIMON PAUL HIGHAM	1972	01/08/2024 – 31/07/2026	Đại học	Cử nhân sư phạm lịch sử

1. Khối Mầm Non:

- Giáo viên:

- Tổng số giáo viên người Việt Nam: **03** người
 - Giáo viên đạt chuẩn văn bằng chứng chỉ: **3/3** người.
- Tổng số giáo viên người nước ngoài: **05** người
 - Số giáo viên có giấy phép lao động theo quy định: **5/5** người.
 - Giáo viên đạt chuẩn văn bằng chứng chỉ: **5/5** người

- Nhân viên:

- Tổng số nhân viên người nước ngoài: **0** người.
- Tổng số nhân viên người Việt Nam: **11** (10 trợ giảng & 01 giáo viên hỗ trợ)

- Về thực hiện chế độ chính sách:

- Ký hợp đồng lao động theo quy định: **19** người.
- Thực hiện đóng BHXH: **19/19** người.

2. Khối Tiểu học:

- Giáo viên:

- *Tổng số giáo viên người Việt Nam: 13 người*
 - Giáo viên đạt chuẩn văn bằng chứng chỉ: **13/13** người.
- *Tổng số giáo viên người nước ngoài: 20 người*
 - Số giáo viên có giấy phép lao động theo quy định: **20/20** người.
 - Giáo viên đạt chuẩn văn bằng chứng chỉ: **20/20** người

- Nhân viên:

- *Tổng số nhân viên người nước ngoài: 02 người.*
 - Số nhân viên có giấy phép lao động theo quy định: **2/2** người.
- *Tổng số nhân viên người Việt Nam: 36 người (trợ giảng)*

- Về thực hiện chế độ chính sách:

- Ký hợp đồng lao động theo quy định: **71** người.
- Thực hiện đóng BHXH: **71/71** người.

3. Khối Trung học:

- Giáo viên:

- *Tổng số giáo viên người Việt Nam: 5 người*
 - Giáo viên đạt chuẩn văn bằng chứng chỉ: **5/5** người.
- *Tổng số giáo viên người nước ngoài: 56 người*
 - Số giáo viên có giấy phép lao động theo quy định: **56/56** người.

- Nhân viên:

- *Tổng số nhân viên người nước ngoài: 01 người.*
 - Số nhân viên có giấy phép lao động theo quy định: **1/1** người.
- *Tổng số nhân viên người Việt Nam: 15 người (11 trợ giảng & 4 nhân viên hỗ trợ)*

- Về thực hiện chế độ chính sách:

- Ký hợp đồng lao động theo quy định: **77** người.
- Thực hiện đóng BHXH: 76 người (01 NLĐ cao tuổi người nước ngoài).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

- Hợp đồng thuê trường:

Ngày ký hợp đồng	Thời hạn (năm)	Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm	Mục đích thuê	Cơ quan công chứng hợp đồng	Ngày công chứng
02/03/2015	25 năm	02/03/2015	02/03/2040	Thuê làm trường học	Hai bên ký kết	

1. Khối mầm non

- + Diện tích mặt bằng: 2.960m² ;
- + Số tầng: 01 Tầng trệt
- + Tổng số phòng học: 10 phòng; trong đó:

Tên phòng	Số lượng học sinh /phòng	Diện tích/Phòng	Vị trí (tầng)
Phòng học lớp mầm (F1) x2 lớp	Tối đa 18	63m ²	Tầng trệt
Phòng học lớp chồi (F2) x2 lớp	Tối đa 22	63m ²	Tầng trệt
Phòng học lớp lá (F3) x3 lớp	Tối đa 22	63m ²	Tầng trệt
Phòng chơi mềm	Tối đa 25	100m ²	Tầng trệt
Phòng sinh hoạt chung	Tối đa 25	100m ²	Tầng trệt

- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng; trong đó:

Tên phòng	Số lượng	Diện tích/ Phòng	Vị trí (tầng)
Phòng thư viện	01	600 m ²	Tầng 1
Phòng ghi danh	01	150 m ²	Tầng trệt
Phòng giáo viên	01	150 m ²	Tầng trệt
Phòng Lãnh đạo	01	80 m ²	Tầng trệt
Phòng ngủ	01	80 m ²	Tầng trệt
Phòng y tế	01	30 m ²	Tầng trệt

Tên phòng	Số lượng	Diện tích/ Phòng	Vị trí (tầng)
Phòng ăn	01	250m ²	Tầng hầm

2. Khối tiểu học

3. + Diện tích mặt bằng: 8.880 m² ;
4. + Số tầng: 02 Tầng 1 + Tầng 2
5. + Tổng số phòng học: 26 phòng; trong đó:

Tên phòng	Số lượng học sinh /phòng	Diện tích/phòng	Vị trí (tầng)
Lớp 1B	15	70m ²	Tầng 1
Lớp 1V	17	70m ²	Tầng 1
Lớp 1I	16	70m ²	Tầng 1
Lớp 1S	16	70m ²	Tầng 1
Lớp 1B	21	70m ²	Tầng 1
Lớp 2V	20	70m ²	Tầng 1
Lớp 2I	22	70m ²	Tầng 1
Lớp 2S	22	70m ²	Tầng 1
Lớp 3B	19	70m ²	Tầng 1
Lớp 3V	20	70m ²	Tầng 1
Lớp 3I	19	70m ²	Tầng 1
Lớp 3S	19	70m ²	Tầng 1
Lớp 4B-P.210	18	62m ²	Tầng 2
Lớp 4V	18	62m ²	Tầng 2
Lớp 4I	17	62m ²	Tầng 2
Lớp 4S	17	62m ²	Tầng 2
Lớp 5B	20	62m ²	Tầng 2
Lớp 5V	21	62m ²	Tầng 2
Lớp 5I	20	62m ²	Tầng 2
Lớp 5S	19	62m ²	Tầng 2

Lớp 6B	18	62m2	Tầng 2
Lớp 6V	22	62m2	Tầng 2
Lớp 6I	21	62m2	Tầng 2
Lớp 6S	22	62m2	Tầng 2

- Tổng số phòng chức năng: 17 phòng; trong đó:

Tên phòng	Số lượng	Diện tích/ phòng	Vị trí (tầng)
Music room - Phòng âm nhạc	01	130m2	Tầng 2
ICT room – Phòng vi tính	01	64m2	Tầng 1
Inclusion room - Phòng tích hợp	02	45m2	Tầng 1, Tầng 2
STEAM room - Phòng học đa năng	01	453m2	Tầng 2
VAL - Phòng hỗ trợ môn tiếng Việt	02	45m2	Tầng 1, Tầng 2
EAL - Phòng hỗ trợ môn tiếng Anh	06	45m2	Tầng 1, Tầng 2
Phòng tiếp tân	01	150 m2	Tầng trệt
Phòng y tế	01	30 m2	Tầng trệt
Nhà ăn Tiểu học	01	760 m2	Tầng hầm
Hồ bơi trong nhà	01	766 m2	Tầng hầm

3. Khối trung học

- + Diện tích mặt bằng: 11.468 m2 ;
- + Số tầng: 03 Tầng trệt, tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng hầm
- + Tổng số phòng học: 70 phòng; trong đó:

Tên phòng	Số lượng học sinh /phòng	Diện tích/Phòng	Vị trí (tầng)
Tiếng Anh	10	80 m2	Tầng trệt, Tầng 1, Tầng 2
Ngữ Văn Tiếng Việt	03	80 m2	Tầng 1

Địa Lý bằng tiếng Việt	01	80 m2	Tầng 1
Lịch Sử bằng tiếng Việt	01	80 m2	Tầng 1
Nhân văn học	02	80 m2	Tầng 1
Kinh tế học	03	80 m2	Tầng 1, Tầng 2
Địa lý	02	80 m2	Tầng 1
Lịch sử	02	80 m2	Tầng 1
Hỗ trợ ngôn ngữ	03	55 m2	Tầng 1, Tầng 2
Nghiên cứu truyền thông	02	80 m2	Tầng 1, Tầng 2
Toán	09	80 m2	Tầng 2
Khoa học công nghệ máy tính	02	80 m2	Tầng 2
Công nghệ	03	80 m2	Tầng 2
Học sinh tự học	01	150 m2	Tầng 2
Hỗ trợ học sinh	01	80 m2	Tầng 2
Khu vực tự học khối 12	01	100 m2	Tầng 2
Tư vấn đại học	01	55 m2	Tầng 2
Tâm lý học	02	55 m2	Tầng 2
Mỹ Thuật	03	80 m2	Tầng 3
Kịch Nghệ	02	80 m2	Tầng 3
Âm Nhạc	02	80 m2	Tầng 3
Phòng tập múa	01	120 m2	Tầng 3
Mỹ thuật sáng tạo, thực tập trồng .	03	30 m2	Tầng 3
Sinh Học	03	80 m2	Tầng 3
Vật lý	03	80 m2	Tầng 3
Hóa học	03	80 m2	Tầng 3
Khoa học	03	80 m2	Tầng 3

- Tổng số phòng chức năng: 22 phòng; trong đó:

Tên phòng	Số lượng	Diện tích/ Phòng	Vị trí (tầng)
Nhà hát	01	386 m2	Tầng 3
Nhà thi đấu	01	1226 m2	Tầng 3
Thư viện	01	800 m2	Tầng 1
Đa chức năng	01	150 m2	Tầng 1
Phòng tiếp tân	01	60 m2	Tầng trệt
Phòng lãnh đạo	02	70 m2	Tầng trệt
Phòng họp	01	60 m2	Tầng trệt
Y tế	01	50 m2	Tầng trệt
Sân bóng rổ ngoài trời	01	316m2	Tầng trệt
Sân bóng đá ngoài trời	01	2740 m2	Tầng trệt
Sân nhạc sống ngoài trời	01	203m2	Tầng trệt
Hồ bơi ngoài trời	01	445m2	Tầng trệt
Khu vực leo núi ngoài trời	01	50m2	Tầng hầm
Sân cây xanh ngoài trời	01	370m2	Tầng hầm
Hội trường	01	650 m2	Tầng hầm
Hồ bơi trong nhà	01	766m2	Tầng hầm
Gym	01	80 m2	Tầng hầm
Nhà ăn Trung học	01	668 m2	Tầng hầm

- Biên bản kiểm tra về an toàn PCCC:

Ngày kiểm tra	Cơ quan kiểm tra	Kết quả kiểm tra
21/4/2025	Công an Huyện Bình Chánh	Đạt yêu cầu

- Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc:

Số giấy chứng nhận bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm	Tên công ty bảo hiểm
TCT.D06.PDBI.25.HD495 (73990646) -1	17/04/2025 – 01/03/2026	Bảo Việt

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới hoặc cải tạo trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm ¹¹
1	Làm mới nhà hát với công suất 450 chỗ ngồi với hệ ghế di động linh hoạt cho nhiều mục đích sử dụng	Tầng hầm
2	Nâng cấp khu sân chơi với thiết bị sân chơi mới cho khối Tiểu học	Tầng trệt Tiểu học
3	Cải tạo căn tin Trung học	Tầng hầm
4	Cải tạo khu cà phê ngoài trời Sunken Garden	Tầng hầm
5	Cải tạo khu sảnh chờ trước khi vào Nhà hát	Tầng hầm
6	Cải tạo lớp học Công nghệ thông tin Khối Tiểu học	Tầng 1 Tiểu học
7	Cải tạo các lớp học tầng 2 Tiểu học với cửa sổ rộng lấy ánh sáng tự nhiên	Tầng 2 Tiểu học
8	Nâng cấp bàn ghế lớp học 4 lớp khối Trung học	Tầng trệt Trung học
9	Nâng cấp bàn ghế lớp học 3 lớp còn lại của khối Tiểu học	Tầng 1 Tiểu học
10	Cải tạo phòng thay đồ và toilet học sinh Trung học lầu 3	Tầng 3 Trung học
11	Nâng cấp cải tạo sàn cho khu vực Freeze way	Tầng 2 Trung học
12	Thay mới 2 máy bơm nước nóng (heater pump) cho hồ bơi trong nhà	Tầng hầm

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt):

- Council for International Schools (CIS) (Hội đồng các trường quốc tế)

- Western Association of Schools and Colleges (WASC) (Hiệp hội các trường học và cao đẳng miền Tây nước Mỹ)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: kiểm định toàn diện

- Mức độ đạt kiểm định: xuất sắc toàn diện

- Thời gian hiệu lực:

- CIS – 06/01/2023 to 30/06/2028
- WASC – 14/02/2023 to 30/06/2028

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Khối Tiểu học:

Tỉ lệ đạt và vượt mục tiêu cho từng học sinh

Khối lớp	Tiếng Anh	Toán	Tiếng Việt
1	77%	86%	72%
2	77%	91%	80%
3	68%	86%	87%
4	82%	96%	82%
5	84%	99%	92%
6	89%	99%	97%

Khối trung học:

Khối 7	Nghệ thuật	Khoa học máy tính	Kịch nghệ	Thiết kế & công nghệ	Tiếng Anh	Khoa học xã hội	Toán	Âm nhạc	Giáo dục thể chất	Khoa học	Tiếng Việt bổ trợ	Địa lý Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	Văn học Việt Nam
A	89%	40%	56%	69%	21%	42%	57%	46%	6%	48%	0	26%	36%	32%
B	10%	20%	37%	30%	36%	27%	25%	48%	41%	31%	100%	43%	49%	44%
C	1%	17%	7%	1%	34%	21%	17%	6%	48%	11%	0	29%	13%	21%
D	0	12%	0	0	7%	8%	1%	0	6	2	0	2%	2%	3%
E	0	10%	0	0	2%	2%	0	0	0	7	0	0	0	0
F	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
G	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối 8	Nghệ thuật	Khoa học máy tính	Kịch nghệ	Thiết kế & công nghệ	Tiếng Anh	Khoa học xã hội	Toán	Âm nhạc	Giáo dục thể chất	Khoa học	Tiếng Việt bổ trợ	Địa lý Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	Văn học Việt Nam
A	62%	50%	38%	22%	24%	45%	56%	51%	3%	43%	50%	31%	47%	35%
B	34%	16%	44%	23%	36%	18%	25%	39%	34%	22%	50%	41%	39%	39%
C	3%	20%	14%	24%	25%	21%	17%	9%	58%	20%	0	23%	11%	22%
D	1%	13%	4%	18%	11%	12%	2%	2%	5%	14%	0	4%	1%	3%
E	0	1%	0	13%	3%	4%	0	0	0	2%	0	2%	2%	1%
F	0	0	0	0	1%	0	0	0	0	0	0	0	0	0
G	0	1%	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối 9	Nghệ thuật	Khoa học máy tính	Kịch nghệ	Thiết kế & công nghệ	Tiếng Anh	Khoa học xã hội	Toán	Âm nhạc	Giáo dục thể chất	Khoa học	Tiếng Việt bổ trợ	Địa lý Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	Văn học Việt Nam
A	53%	50%	50%	33%	17%	22%	59%	63%	41%	8%	58%	25%	31%	51%
B	41%	16%	34%	17%	51%	39%	11%	21%	39%	41%	22%	75%	44%	26%
C	4%	22%	12%	13%	17%	38%	14%	11%	14%	49%	11%	0	22%	18%
D	3%	12%	4%	29%	12%	0	7%	4%	5%	3%	8%	0	3%	4%
E	0	0	0	8%	3%	0	9%	1%	0	0	1%	0	0	0
F	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
G	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối 10	Sinh học	Kinh doanh	Hóa học	Khoa học máy tính	Kịch nghệ	Thiết kế & công nghệ	Kinh tế học	Tiếng Anh	Địa lý	Âm nhạc	Giáo dục thể chất	Vật lý	Khoa học	Tiếng Việt bổ trợ	Việt Nam học	Ngữ văn Việt
A	72%	38%	44%	43%	25%	57%	75%	17%	58%	25%	4%	78%	31%	100%	43%	34%
B	17%	24%	39%	13%	38%	20%	25%	42%	0	63%	44%	17%	27%	0	33%	37%
C	11%	24%	17%	22%	13%	23%	0	32%	17%	0	48%	6%	23%	0	23%	26%
D	0	5%	0	13%	25%	0	0	8%	8%	13%	4%	0	13%	0	1%	3%
E	0	5%	0	4%	0	0	0	0	17	0	0	0	4%	0	0	0
F	0	4%	0	4%	0	0	0	0	0	0	0	0	2%	0	0	0
G	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khối 10	Nghệ thuật	Lịch sử	Toán
9	0	9%	14%
8	15%	14%	23%
7	15%	36%	21%
6	46%	14%	27%
5	15%	18%	8%
4	8%	9%	6%
3	0	0	1%
2	0	0	0
1	0	0	0
U	0	0	0

Khối 11	Nghệ thuật	Sinh học	Kinh doanh	Hóa học	Khoa học máy tính	Kịch nghệ	Thiết kế và công nghệ	Kinh tế học	Tiếng Anh	Địa lý	Lịch sử	Âm nhạc	Giáo dục thể chất	Vật lý	Khoa học	Tiếng Việt bổ trợ	Việt Nam Học	Ngữ văn Việt
A	38 %	100 %	53 %	55 %	66 %	40 %	42 %	56 %	16 %	35 %	65 %	55 %	38 %	80 %	32 %	25 %	58 %	38 %
B	29 %	0	23 %	36 %	9%	30 %	42 %	7%	33 %	35 %	26 %	18 %	25 %	20 %	32 %	75 %	33 %	55 %
C	29 %	0	8%	9%	19 %	20 %	6%	30 %	40 %	20 %	4%	18 %	25 %	0	32 %	0	10 %	7%
D	4 %	0	13 %	0	3%	0	6%	7%	7%	0	4%	0	0	0	0	0	0	0
E	0	0	5%	0	3%	0	3%	0	4%	10 %	0	0	13 %	0	2%	0	0	0
F	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4%	0	0	0
G	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
U	0	0	0	0	0	10	0	0	0	0	0	9	0	0	0	0	0	0

Khối 11	Toán học
9	25%
8	14%
7	29%
6	19%
5	10%
4	1%
3	0
2	1%
1	0
U	0

Khối 12	Nghệ thuật	Sinh học	Kinh doanh	Hóa học	Khoa học máy tính	Thiết kế và công nghệ	Kinh tế học	Tiếng Anh	Địa lý	Lịch sử	Toán	Truyền thông	Âm nhạc	Vật lý	Tâm lý học	Việt Nam học	Ngữ văn Việt
A	33 %	47 %	39 %	69 %	56 %	36 %	71 %	0	25 %	50 %	45 %	26 %	0	55 %	72 %	47 %	41 %
B	67 %	40 %	22 %	8%	13 %	21 %	4%	38 %	19 %	13 %	19 %	32 %	100 %	17 %	12 %	44 %	45 %
C	0	7%	17 %	23 %	19 %	14 %	21 %	38 %	31 %	38 %	13 %	42 %	0	10 %	12 %	6%	9%
D	0	0	11 %	0	13 %	7%	0	13 %	0	0	13 %	0	0	10 %	0	1%	4%
E	0	0	6%	0	0	21 %	4%	13 %	13 %	0	5%	0	0	3%	4%	1%	0
U	0	7	6%	0	0	0	0	0	13 %	0	5%	0	0	3%	0	0	0

Khối 13	Nghệ thuật	Sinh học	Kinh doanh	Hóa học	Khoa học máy tính	Kịch nghệ	Kinh tế học	Tiếng Anh	Địa lý	Lịch sử	Toán	Truyền th	Âm nhạc	Vật lý	Giáo dục thể chất	Tâm lý học	Tiếng Việt bổ trợ	Việt Nam học	Ngữ văn Việt
A	38 %	76 %	28 %	77 %	20 %	50 %	67 %	67 %	22 %	83 %	39 %	35 %	0%	70 %	17 %	70 %	0	54%	46%
B	50 %	12 %	4 %	0	10 %	50 %	17 %	0	11 %	0	24 %	24 %	100 %	30 %	17 %	10 %	100 %	30%	40%
C	13 %	12 %	47 %	15 %	20 %	0	17 %	33 %	33 %	17 %	15 %	35 %	0	0	0	20 %	0	15%	13%
D	0	0	15 %	8 %	20 %	0	0	0	33 %	0	9%	6%	0	0	50 %	0	0	1%	0
E	0	0	6 %	0	30 %	0	0	0	0	0	9%	0	0	0	0	0	0	0	0
U	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3%	0	0	0	17 %	0	0	0	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Tại BVIS, phương pháp giảng dạy cá nhân hóa cao của chúng tôi đảm bảo rằng mỗi học sinh đều được học theo cách phù hợp nhất với bản thân, trong hành trình khám phá đam mê và thể hiện tài năng của mình. Chúng tôi đặt tầm quan trọng ngang nhau giữa thành tích học thuật và sự phát triển cảm xúc – xã hội, với một chương trình cân bằng kết hợp các tiêu chuẩn quốc tế được công

nhận cùng trọng tâm về bản sắc văn hóa. Điều này giúp học sinh phát triển tư duy toàn cầu và sự tự tin để thành công ở bất kỳ đâu trên thế giới.

Cách tiếp cận toàn diện thực sự của chúng tôi truyền cảm hứng để mỗi học sinh không chỉ đạt được tiến bộ vượt bậc trong học tập mà còn được tiếp cận với những cơ hội học hỏi và phát triển xuất sắc trong thể thao, nghệ thuật sáng tạo (bao gồm âm nhạc, mỹ thuật và kịch), tranh biện, phát triển kinh doanh, hoạt động cộng đồng và các sáng kiến tạo tác động xã hội. Những trải nghiệm phong phú này bổ sung cho việc học học thuật và mở rộng cánh cửa đến với các trường đại học hàng đầu thế giới.

Dưới đây là một số kết quả và điểm nổi bật từ các hoạt động tiêu biểu đã diễn ra tại BVIS HCMC trong năm học vừa qua:

Thành tích môn Toán khối Tiểu học:

Cúp Thế giới Tính nhẩm nhanh – Tháng 8/2024

Cấp độ	Thành Tích
Trình độ Thử thách (6–8 tuổi)	4 Học sinh
Trình độ Thành thạo (9–11 tuổi)	6 Học sinh

Thử thách Giải mã Toán học FOBISIA – Tháng 9/2024

Cấp độ	Thành Tích
Hoàn thành thử thách cấp độ 1A hoặc 1B	45 Học sinh
Hoàn thành thử thách cấp độ 1A, 1B và 2	9 Học sinh

Olympic Toán học Hoa Kỳ (AMO) – Tháng 11/2024

Cấp độ	Thành Tích
Huy chương Đồng	3 Học sinh
Huy chương Bạc	1 student

Cuộc thi Toán học FOBISIA – Tháng 3/2025

Đội	Thành Tích
Đội A	Hạng 7
Đội B	Hạng 17
Huy chương Đồng Cá nhân	3 Học sinh

Olympic Toán học Singapore & Châu Á (SASMO) – Tháng 3/2025

Cấp độ	Thành Tích
Huy chương Đồng	4 Học sinh
Huy chương Bạc	1 Học sinh

Cuộc thi Toán Tiểu học Sài Gòn – Tháng 5/2025

Đội	Thành Tích
Đội 1	Hạng 2
Đội 2	Hạng 4
Đội 3	Hạng 8

Thành tích các đội tuyển thể thao:

Bóng đá	
Đội	Thứ hạng
U9 Nam – Đội A	Hạng 2 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U9 Nam – Đội B	Hạng 3 bảng B – Giải vô địch Thành phố
U9 Nữ – Đội A	Hạng 2 toàn Thành phố
U9 Nữ – Đội B	Hạng 4 toàn Thành phố
U11 Nam – Đội A	Hạng 5 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U11 Nam – Đội B	Hạng 6 bảng B – Giải vô địch Thành phố
U11 Nữ – Đội A	Hạng 4 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U11 Nữ – Đội B	Hạng 4 bảng B – Giải vô địch Thành phố
U13 Nam – Đội A	Hạng 6 toàn Thành phố
U13 Nam – Đội B	Hạng 16 toàn Thành phố
U13 Nữ – Đội	Vô địch Quận 7 – Hạng 2 toàn Thành phố
U15 Nam – Đội A	Hạng 6 toàn Thành phố
U15 Nam – Đội B	Hạng 18 toàn Thành phố
U15 Nữ – Đội	Hạng 7 toàn Thành phố
U19 Nam – Đội A	Vô địch Quận 7 – Hạng 2 toàn Thành phố
U19 Nam – Đội B	Hạng 16 toàn Thành phố
U19 Nữ – Đội	Hạng 10 toàn Thành phố

Bóng rổ	
Đội	Thứ hạng
U9 Nam – Đội A	Hạng 1 toàn Thành phố
U9 Nam – Đội B	Hạng 2 toàn Thành phố
U9 Nam – Đội C	Hạng 8 toàn Thành phố
U9 Nữ – Đội A	Hạng 1 toàn Thành phố
U9 Nữ – Đội B	Hạng 1 toàn Thành phố

U11 Nam – Đội A	Hạng 4 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U11 Nam – Đội B	Hạng 5 bảng C – Giải vô địch Thành phố
U11 Nữ	Hạng 4 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U13 Nam	Hạng 9 toàn Thành phố
U13 Nữ	Hạng 7 toàn Thành phố
U15 Nam	Hạng 9 toàn Thành phố
U15 Nữ	Hạng 10 toàn Thành phố
U19 Nam	Hạng 6 toàn Thành phố
U19 Nữ	Hạng 8 toàn Thành phố

Cầu lông	
Đội	Thứ hạng
U11 Nam – Đội A	Hạng 1 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U11 Nam – Đội B	Hạng 1 bảng B – Giải vô địch Thành phố
U11 Nữ – Đội A	Hạng 5 bảng A – Giải vô địch Thành phố
U11 Nữ – Đội B	Hạng 2 bảng B – Giải vô địch Thành phố
U13 Nam – Đội B	Hạng 10 toàn Thành phố
U13 Nữ – Đội B	Hạng 11 toàn Thành phố
U15 Đội Nam	Hạng 7 toàn Thành phố
U19 Nam – Đội	Hạng 8 toàn Thành phố
U19 Nữ – Đội	Hạng 4 toàn Thành phố

Bơi Lội	
U11 & U9	Hạng 2- Bảng B- Giải Vô địch Thành phố

FOBISIA	
U11	Giải 3 môn Điền Kinh/ Giải 3 môn Bóng đá Nam
U15	Giải 3 môn Bóng đá

Bóng Chày Mềm	
Đội	Thành Tích
U11 – Đội A	Vô địch Bảng phụ
U11 – Đội B	Hạng 3

Các hoạt động khác:

19-22/ Tháng 1	Chuyến đi thực tế Khối7 đến Mũi Né	75 Học sinh
19-22/ Tháng 1	Chuyến đi thực tế Khối8 đến Cát Tiên	79 Học sinh
19-22/ Tháng 1	Chuyến đi thực tế Khối9 đến Hồ Tràm	65 Học sinh
19-22/ Tháng 1	Chuyến đi trải nghiệm mạo hiểm của Khối10 đến Đà Lạt	22 Học sinh
19-22/ Tháng 1	Chuyến đi trượt tuyết của Khối9 và Khối10	14 Học sinh
19-22/ Tháng 1	Chuyến đi Bronze IA	27 Học sinh
14/ Tháng 3	Ngày hội Toán học Pi Day (khối KS3)	281 Học sinh
15/Tháng 3	Vòng loại World Maths Championship tổ chức tại BVIS	92 Học sinh
07/Tháng 4	Cuộc thi Thơ	180 Học sinh tham gia
02/Tháng 9	Cuộc thi nghiên cứu tình huống kinh doanh của Đại học Quốc gia Úc	6 Học sinh tham gia
11-18/Tháng 11	Cuộc thi Khởi nghiệp – Thử thách Nhà sáng tạo (Eco-Enterprise)	2 Học sinh tham gia
15-16/Tháng 11	Cuộc thi Kế hoạch kinh doanh tại Đại học RMIT	5 Học sinh tham gia
23/Tháng 11	Cuộc thi Toán Sài Gòn	
26-27/Tháng 11	Lễ hội Văn học và Nghệ thuật	17 Học sinh
04/Tháng 12	Cuộc thi “Battle of the Bands” tại Sài Gòn	6 Học sinh
10/Tháng 12	Thử thách Brebas	39 Học sinh tham gia
	Chương trình Global Campus	12 Học sinh tham gia

TM. BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG



SIMON PAUL HIGHAM